TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HS-ST
Ngày 06 - 02 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiêm Việt Hùng.

Ông Lâm Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Ngọc Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 07/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh ngày 13-4-1987, tại tỉnh Long An; Nơi thường trú: Ấp B, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960 và bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1962; Vợ tên Ngô Yến N1, sinh năm 1989, có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Về nhân thân: Vào ngày 06-7-2021, bị Công an xã B, huyện Đ, tỉnh Long An quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã chấp hành nộp phạt ngày 22-9-2021; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 12-8-2023 và chuyển tạm giam cho đến nay.

2. Họ và tên: Nguyễn Phan Khả Á, sinh ngày 07-11-1997, tại tỉnh Tiền Giang; Nơi thường trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Chổ ở: Số nhà A, ấp B, xã N, huyện B, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1975 và bà Phan Thị Kim X, sinh năm

1979; Chồng, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 12-8-2023 và chuyển tạm giam cho đến nay.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Lê Thị Thanh T1, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp D, xã N, huyện B, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

2. Ông Huỳnh Duy T2, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Ấp D, xã N, huyện B, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

3. Ông Huỳnh Hoàng Bảo K, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

4. Ông Trần Văn , sinh năm 1972. Nơi cư trú: Số nhà C, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

5. Bà Trần Thị Ngọc P1, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Số nhà D, Đường H, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

6. Bà Dương Thị Q, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Số nhà D, Đường H, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

7. Ông Đoàn Nhựt T3, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. (Có mặt)

8. Ông Nguyễn Văn P2, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Tổ C, ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 12-8-2023, bị cáo T được 01 người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) ở thành phố S, tỉnh Sóc Trăng điện thoại đặt mua 6.500 bao thuốc lá điếu nhập lậu (nhãn hiệu Jet 2.000 bao, nhãn hiệu Hero 4.500 bao). Sau đó, bị cáo T gặp người đàn ông tên T4 (không rõ họ tên) ở khu vực xã B, huyện Đ, tỉnh Long An mua 6.500 bao thuốc lá điếu nhập lậu (nhãn hiệu Jet 2.000 bao, nhãn hiệu Hero 4.500 bao) với số tiền 100.250.000 đồng (nhãn hiệu Jet giá 17.500 đồng/bao, nhãn hiệu Hero giá 14.500 đồng/bao, bán lại mỗi loại thu lợi 1.200 đồng/bao). Bị cáo T không có vốn nên được người đàn ông tên G (không rõ họ tên, địa chỉ) chuyển khoản thanh toán, tiền lời ông G chuyển khoản cho ông T4 để giao lại cho bị cáo T. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, bị cáo T thuê bị cáo Á điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 62A-159.52 chở bị cáo T đến khu vực xã B, huyện Đ, tỉnh Long An gặp ông T4 lấy thuốc lá điếu nhập lậu. Khi đến nơi, thuốc lá điếu nhập lậu đã được để trong 13 bọc nylon màu đen, bị cáo T và ông

T4 khuân vác để lên hàng ghế phía sau ghế tài xế và cốp xe. Sau đó, bị cáo Á điều khiển xe theo sự chỉ dẫn của bị cáo T về hướng thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Đến khoảng hơn 22 giờ cùng ngày, khi xe đang lưu thông trên tuyến Quốc lộ A thuộc khu vực ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng thì bị Công an tỉnh S phối hợp với Công an huyện C dừng phương tiện, kiểm tra phát hiện 6.500 bao thuốc lá điếu nhập lậu (nhãn hiệu Jet 2.000 bao, nhãn hiệu Hero 4.500 bao) trong 13 bọc nylon màu đen để ở hàng ghế phía sau ghế tài xế và cốp xe trong xe ô tô biển kiểm soát 62A-159.52 nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ tang vật liên quan.

Tại giai đoạn điều tra, bị cáo T, Á khai nhận ngoài thực hiện hành vi buôn bán, vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu bị bắt quả tang ngày 12-8-2023, trước đó khoảng 12 giờ cùng ngày, bị cáo T bán cho người phụ nữ tên Q (không rõ họ tên, địa chỉ) do người đàn ông (không rõ họ, tên, địa chỉ) nhận 6.500 bao thuốc lá điếu nhập lậu (nhãn hiệu Jet 2.500 bao, nhãn hiệu Hero 2.000 bao và nhãn hiệu Scott 2.000 bao) thu lợi số tiền 7.800.000 đồng; bị cáo Á được bị cáo T thuê điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 62A-159.52 vận chuyển 6.500 bao thuốc lá điếu nhập lậu (nhãn hiệu Jet 2.500 bao, nhãn hiệu Hero 2.000 bao và nhãn hiệu Scott 2.000 bao) đến thành phố S, tỉnh Sóc Trăng bán cho người phụ nữ tên Q (không rõ họ tên, địa chỉ), được bị cáo T trả công số tiền 2.500.000 đồng.

- Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra Công an huyện C tạm giữ:

Tạm giữ của bị cáo T: Thuốc lá điếu nhập lậu 6.500 bao (nhãn hiệu Jet 2.000 bao, nhãn hiệu Hero 4.500 bao); 13 (mười ba) túi nylon màu đen, đã qua sử dụng; 13 (mười ba) túi nylon không màu trong suốt, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54, số IMEI 1 868958058741919, số IMEI 2 868958058741901, sim 1 số 0911160030, sim 2 số 0979052338; 01 (một) giấy phép lái xe hạng C số 790151134100; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số 790151134100.

Tạm giữ của bị cáo Á: 01 (một) giấy phép lái xe hạng B2 số 791167037896; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy M32, số IMEI 1 359093386223871, số IMEI 2 359768846223872, sim 1 số 0335686603, sim 2 số 0878930600; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím, số IMEI 1 354138632624177, số IMEI 2 354138632624176, sim số 0823737257.

- Tại Cáo trạng số: 04/CT-VKS-CT ngày 02-01-2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo T tội "Buôn bán hàng cấm" quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 190 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Á tội "Vận chuyển hàng cấm" quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 191 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo T, Á và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo T phạm tội "Buôn bán hàng cấm". Áp dụng điểm b Khoản 3 Điều 190; điểm r, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo T từ 09 (chín) năm tù đến 10 (mười) năm tù.

Tuyên bố bị cáo Á phạm tội "Vận chuyển hàng cấm". Áp dụng điểm b Khoản 3 Điều 191; điểm r, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Á từ 06 (sáu) năm tù đến 07 (bảy) năm tù.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a, c Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a, c Khoản 2 và điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy thuốc lá điếu nhập lậu 6.500 bao (nhãn hiệu Jet 2.000 bao, nhãn hiệu Hero 4.500 bao); 13 (mười ba) túi nylon màu đen, đã qua sử dụng; 13 (mười ba) túi nylon không màu trong suốt, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54, số IMEI 1 868958058741919, số IMEI 2 868958058741901, sim 1 số 0911160030, sim 2 số 0979052338; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy M32, số IMEI 1 359093386223871, số IMEI 2 359768846223872, sim 1 số 0335686603, sim 2 số 0878930600; Trả lại cho bị cáo T 01 (một) giấy phép lái xe hạng C số 790151134100 và 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số 790151134100; Trả lại cho bị cáo Á 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím, số IMEI 1 354138632624177, số IMEI 2 354138632624176, sim số 0823737257 và 01 (một) giấy phép lái xe hạng B2 số 791167037896.

Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) buộc bị cáo T giao nộp số tiền do phạm tội mà có 7.800.000 đồng; buộc bị cáo Á giao nộp số tiền do phạm tội mà có 2.500.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố; thống nhất Cáo trạng truy tố bị cáo tội "Buôn bán hàng cấm" quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 190 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Trình bày tranh luận, bị cáo T thống nhất với luận tội, xin giảm nhẹ hình phạt. Lời nói sau cùng, bị cáo T xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Á thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố; thống nhất Cáo trạng truy tố bị cáo tội "Vận chuyển hàng cấm" quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 191 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trình bày tranh luận, bị cáo Á thống nhất với luận tội, xin giảm nhẹ hình phạt. Lời nói sau cùng, bị cáo Á xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại nên các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lê Thị Thanh T1, ông Huỳnh Duy T2, ông Huỳnh Hoàng Bảo K, ông Trần Văn , bà Trần Thị Ngọc P3, bà Dương Thị Q, ông Nguyễn Văn P2 vắng mặt. Các bị cáo yêu cầu tiếp tục xét xử. Kiểm sát viên đề nghị vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, những người tham gia tố tụng này đã được triệu tập tham gia phiên tòa, vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan và đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc họ vắng mặt không gây trở ngại đến việc xét xử vụ án. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo T, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo T thống nhất Cáo trạng truy tố bị cáo tội "Buôn bán hàng cấm" quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 190 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng hành vi phạm tội, không oan sai; thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị cáo Á và lời khai của những người tham gia tố tụng; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản kiểm đếm tang vật, biên bản khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ để Hội đồng xét xử xác định:

[4] Vào ngày 12-8-2023, bị cáo T mua của ông T4 6.500 bao thuốc lá điếu nhập lậu (nhãn hiệu Hero 4.500 bao, nhãn hiệu Jet 2.000 bao). Sau đó, bị cáo T thuê bị cáo Á điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 62A-159.52 vận chuyển số thuốc lá điếu nhập lậu đến thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để bán cho bà Q, trên đường đi khi xe lưu thông đến khu vực ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng bị phát hiện, thu giữ 6.500 bao thuốc lá điếu nhập lậu (nhãn hiệu Hero 4.500 bao, nhãn hiệu Jet 2.000 bao) đựng trong 13 bọc nylon màu đen tại hàng ghế phía sau ghế tài xế

và cốp xe ô tô tải biển kiểm soát 62A-159.52. Ngoài lần phạm tội này, khoảng 12 giờ trước cùng ngày, bị cáo T mua của ông T4 6.500 bao thuốc lá điếu nhập lậu (nhãn hiệu Hero 2.000 bao, nhãn hiệu Jet 2.500 bao, nhãn hiệu Scott 2.000 bao), thuê bị cáo Á điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 62A-159.52 vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu đến thành phố S, tỉnh Sóc Trăng bán cho bà Q do người đàn ông nhận, thu lợi số tiền 7.800.000 đồng, bị cáo T trả công cho bị cáo Á số tiền 2.500.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo T đã tiêu xài hết.

[5] Tại Điều 190 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 232, 234, 244, 246, 248, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm:

a) Thuốc bảo vệ thực vật mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng 300 kilôgam trở lên hoặc 300 lít trở lên;

b) Thuốc lá điếu nhập lậu 4.500 bao trở lên;

c) ...".

[6] Đối chiếu với điều luật viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo T đã thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo T nhận thức được hành vi buôn bán hàng cấm (thuốc lá điếu nhập lậu) là vi phạm pháp luật. Thế nhưng, chỉ vì hám lợi mà bị cáo T đã mua 6.500 bao thuốc lá điếu nhập lậu (nhãn hiệu Hero 4.500 bao, nhãn hiệu Jet 2.000 bao), thuê bị cáo Á điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 62A-159.52 vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu đến thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để bán cho bà Q, trên đường đi thì bị phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật. Ngoài lần phạm tội này, với thủ đoạn tương tự, bị cáo T đã mua 6.500 bao thuốc lá điếu nhập lậu (nhãn hiệu Hero 2.000 bao, nhãn hiệu Jet 2.500 bao, nhãn hiện Scott 2.000 bao), thuê bị cáo Á điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 62A-159.52 vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu đến thành phố S, tỉnh Sóc Trăng bán cho bà Q do người đàn ông nhận, thu lợi số tiền 7.800.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội "Buôn bán hàng cấm" tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 190 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Á, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Á thống nhất Cáo trạng truy tố bị cáo tội "Vận chuyển hàng cấm" quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 191 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm

2017) là đúng hành vi phạm tội, không oan sai; thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị cáo T và lời khai của những người tham gia tố tụng; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản kiểm đếm tang vật, biên bản khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ để Hội đồng xét xử xác định:

[8] Vào ngày 12-8-2023, bị cáo Á sử dụng xe ô tô biển kiểm soát 62A-159.52 vận chuyển hàng cấm (thuốc lá điếu nhập lậu) thuê cho bị cáo T 6.500 bao (nhãn hiệu Hero 4.500 bao, nhãn hiệu Jet 2.000 bao) từ khu vực xã B, huyện Đ, tỉnh Long An đến thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, khi xe lưu thông đến ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng bị phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật. Ngoài lần phạm tội này, khoảng 12 giờ trước cùng ngày, bị cáo Á được bị cáo T thuê vận chuyển hàng cấm (thuốc lá điếu nhập lậu) 6.500 bao (nhãn hiệu Hero 2.000 bao, nhãn hiệu Jet 2.500 bao, nhãn hiện Scott 2.000 bao) từ khu vực xã B, huyện Đ, tỉnh Long An đến thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và được bị cáo T trả tiền công 2.500.000 đồng, số tiền này bị cáo Á đã tiêu xài hết.

[9] Tại Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

"1. Người nào tàng trữ, vận chuyển hàng cấm thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 232, 234, 239, 244, 246, 249, 250, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Thuốc bảo vệ thực vật mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng 300 kilôgam trở lên hoặc 300 lít trở lên;

b) Thuốc lá điếu nhập lậu 4.500 bao trở lên;

c) ...".

[10] Đối chiếu với điều luật viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Á đã thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Á nhận thức được hành vi vận chuyển hàng cấm (thuốc lá điếu nhập lậu) là vi phạm pháp luật. Thế nhưng, chỉ vì hám lợi mà bị cáo Á đã đồng ý vận chuyển hàng cấm (thuốc lá điếu nhập lậu) cho bị cáo T 02 lần trong ngày 12-8-2023. Lần thứ nhất, bị cáo được bị cáo T thuê vận chuyển hàng cấm (thuốc lá điếu nhập lậu) 6.500 bao (nhãn hiệu Hero 2.000 bao, nhãn hiệu Jet 2.500 bao, nhãn hiện Scott 2.000 bao),

được trả tiền công 2.500.000 đồng. Lần thứ hai, bị cáo được bị cáo T thuê vận chuyển hàng cấm (thuốc lá điếu nhập lậu) 6.500 bao (nhãn hiệu Hero 4.500 bao, nhãn hiệu Jet 2.000 bao) trên đường vận chuyển hàng cấm bị phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật. Do đó, hành vi của bị cáo Á đủ yếu tố cấu thành tội "Vận chuyển hàng cấm" tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 191 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[11] Như vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo T tội "Buôn bán hàng cấm" theo điểm b Khoản 3 Điều 190 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Á tội "Vận chuyển hàng cấm" theo điểm b Khoản 3 Điều 191 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[12] Hành vi buôn bán hàng cấm (thuốc lá điếu nhập lậu) của bị cáo T, hành vi vận chuyển hàng cấm (thuốc lá điếu nhập lậu) của bị cáo Á là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý hàng cấm nên cần quyết định hình phạt chính là tù có thời hạn để các bị cáo có thời gian cải tạo, lao động, học tập trở thành công dân biết tôn trọng, chấp hành Hiến pháp và pháp luật.

[13] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo như sau: Bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, có 01 tiền sự đã được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo Á có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo T thực hiện 02 lần hành vi buôn bán hàng cấm là thuốc lá điếu nhập lậu, mỗi lần 6.500 bao (trên 4.500 bao); bị cáo Á thực hiện 02 lần hành vi vận chuyển hàng cấm là thuốc lá điếu nhập lậu, mỗi lần 6.500 bao (trên 4.500 bao), hành vi của các bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; các bị cáo tự thú khai ra lần phạm tội trước đó; bị cáo T có thân nhân là người có công với cách mạng nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

[14] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 4 Điều 190 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: *"4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm."* và tại Khoản 4 Điều 191 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: *"4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ*

10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”. Theo quy định viện dẫn, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[15] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng là thuốc lá điếu nhập lậu 6.500 bao (nhãn hiệu Jet 2.000 bao, nhãn hiệu Hero 4.500 bao); 13 (mười ba) túi nylon màu đen, đã qua sử dụng; 13 (mười ba) túi nylon không màu trong suốt, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54, số IMEI 1 868958058741919, số IMEI 2 868958058741901, sim 1 số 0911160030, sim 2 số 0979052338; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy M32, số IMEI 1 359093386223871, số IMEI 2 359768846223872, sim 1 số 0335686603, sim 2 số 0878930600 là hàng cấm, là phương tiện dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị hoặc không sử dụng được nên tịch thu tiêu hủy. Đối với vật chứng là 01 (một) giấy phép lái xe hạng C số 790151134100; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số 790151134100 là tài sản của bị cáo T, không dùng vào việc phạm tội, bị cáo T yêu cầu được nhận lại nên trả lại cho bị cáo T. Đối với vật chứng là 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím, số IMEI 1 354138632624177, số IMEI 2 354138632624176, sim số 0823737257; 01 (một) giấy phép lái xe hạng B2 số 791167037896 là tài sản của bị cáo Á, không dùng vào việc phạm tội, bị cáo Á yêu cầu được nhận lại nên trả lại cho bị cáo Á.

[16] Ngoài ra, bị cáo T khai nhận số tiền do phạm tội mà có 7.800.000 đồng; bị cáo Á khai nhận số tiền do phạm tội mà có 2.500.000 đồng. Do đó, cần buộc bị cáo T giao nộp số tiền 7.800.000 đồng, buộc bị cáo Á giao nộp số tiền 2.500.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

[17] Đối với người đàn ông tên “G”, người đàn ông tên “Tưởng”, người phụ nữ tên “Q” và người đàn ông (không rõ họ, tên, địa chỉ) nhận thuốc lá điếu nhập lậu cho bà Q, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lý lịch, chưa làm việc được với những người này nên không có căn cứ để xem xét xử lý. Đề nghị Cơ quan điều tra Công an huyện C, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tiếp tục xác minh làm rõ nhân thân, lý lịch và hành vi của những người này để xử lý theo quy định pháp luật.

[18] Đối với bà Dương Thị Q, bà Trần Thị Ngọc P1, ông Đoàn Nhựt T3, ông Huỳnh Hoàng Bảo K, ông Trần Văn , ông Nguyễn Văn P2 là chủ sở hữu số điện thoại, tài khoản Ngân hàng mà bị cáo T liên lạc trao đổi, chuyển tiền trong quá trình buôn bán, vận chuyển hàng cấm nhưng không chứng minh được những

người này liên quan đến hành vi buôn bán, vận chuyển hàng cấm nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

[19] Đối với bà Lê Thị Thanh T1: Bà T1 là chủ sở hữu xe ô tô biển kiểm soát 62A-159.52 mà bị cáo Á sử dụng để vận chuyển hàng cấm. Giữa bà T1 và bị cáo Á có hợp đồng thuê xe, quá trình thuê xe bị cáo Á sử dụng xe này để vận chuyển hàng cấm bà T1 không biết nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

[20] Kiểm sát viên đề nghị áp dụng pháp luật về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt, xử lý vật chứng là có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử quyết định xử phạt các bị cáo mức hình phạt khởi điểm mà Kiểm sát viên đề nghị, thể hiện nguyên tắc khoan hồng đối với người thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

[21] Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[22] Các bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b Khoản 3 Điều 190; điểm r, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

- Điểm b Khoản 3 Điều 191; điểm r, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Phan Khả Á.

- Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a, c Khoản 2 và điểm a Khoản 3 Điều 106; Khoản 2 Điều 136; Điều 292; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên bố:

- Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Buôn bán hàng cấm".

- Bị cáo Nguyễn Phan Khả Á phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".

Tuyên xử:

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12-8-2023.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phan Khả Á 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12-8-2023.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Phan Khả Á.

4. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: Thuốc lá điếu nhập lậu 6.500 bao (nhãn hiệu Jet 2.000 bao, nhãn hiệu Hero 4.500 bao); 13 (mười ba) túi nylon màu đen, đã qua sử dụng; 13 (mười ba) túi nylon không màu trong suốt, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54, số IMEI 1 868958058741919, số IMEI 2 868958058741901, sim 1 số 0911160030, sim 2 số 0979052338; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy M32, số IMEI 1 359093386223871, số IMEI 2 359768846223872, sim 1 số 0335686603, sim 2 số 0878930600.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T: 01 (một) giấy phép lái xe hạng C số 790151134100 và 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số 790151134100.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Phan Khả Á: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím, số IMEI 1 354138632624177, số IMEI 2 354138632624176, sim số 0823737257; 01 (một) giấy phép lái xe hạng B2 số 791167037896.

5. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T giao nộp số tiền 7.800.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

6. Buộc bị cáo Nguyễn Phan Khả Á giao nộp số tiền 2.500.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

7. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Phan Khả Á mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng.

8. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- CQĐT Công an huyện Châu Thành;
- NTG Công an huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thành Đạt